TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2020/DS-PT
Ngày: 09 – 12 – 2020
V/v tranh chấp đòi lại đất bị lấn chiếm.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hoàng Thành

Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Trung An – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa***: Ông Sơn Cươl – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và 09 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2020/TLPT-DS ngày 29 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp đòi lại đất bị lấn chiếm.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2020/DS-ST ngày 08/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 169/2020/QĐ-PT ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị K, sinh năm: 1979; địa chỉ: Số nhà 04, ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1958; địa chỉ: Số nhà 08, ấp C, thị trấn L, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Chế Thị T, sinh năm 1948; địa chỉ: Số nhà 03, ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

2. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1946; địa chỉ: Số nhà 08, ấp C, thị trấn L, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn S là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 7 năm 2019, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy Kiều trình bày:

Vào năm 1987, cha mẹ của bà Nguyễn Thị K là ông Nguyễn Văn P và bà Chế Thị T hợp đồng nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn N 01 phần đất để canh tác, nhưng không rõ diện tích bao nhiêu. Sau đó, đến năm 1997 thì cha mẹ bà K làm hợp đồng tặng lại cho bà K phần đất trên và phần đất này bà K đã được Ủy ban nhân dân huyện Long Phú (Nay là huyện Cù Lao Dung) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QSDĐ), là thửa đất số 250, tờ bản đồ số 04, diện tích là 3.940m^2, tọa lạc ấp P, xã A, huyện L (Theo đo đạc chính quy mới hiện nay trên sơ đồ địa chính là thửa số 01, tờ bản đồ số 19, có diện tích là 5.681,1m^2, tọa lạc ấp C, thị trấn L, huyện C), tỉnh Sóc Trăng, nhưng bà K chưa được cấp đổi Giấy chứng nhận QSDĐ mới. Mặc dù giấy tờ là do bà K đứng tên, nhưng thực tế bà T là mẹ ruột của bà K vẫn là người trực tiếp canh tác phần đất trên và từ khi bà T, ông P canh tác cho đến khi ông P qua đời thì không có sự tranh chấp hay phản đối gì từ phía gia đình ông Nguyễn Văn S và ông Nguyễn Văn N. Đến tháng 8/2018, bà K xin cấp lại Giấy chứng nhận QSDĐ vì đã hết hạn sử dụng, thì ông S ngăn cản, ông S cho rằng phần đất có chiều ngang 2,5m x chiều dài 19,2m là thuộc quyền sử dụng của ông S, ông S dùng Leng đào ranh và dùng cây trụ đá cắm ranh phần đất nói trên không cho bà K vào phần đất trên.

Theo đơn khởi kiện thì bà K trình bày là phần đất có chiều ngang 20m x chiều dài 2,5m, nhưng qua đo đạc thực tế thì phần đất đang tranh chấp giữa bà K và ông S có số đo là chiều ngang 2,5m x chiều dài 19,2m. Do đó, tại phiên tòa bà K xin thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông S phải có trách nhiệm tháo dỡ, di dời trụ đá để trả lại cho bà K phần đất đã lấn chiếm có chiều ngang 2,5m x chiều dài 19,2m, tổng diện tích là 47,7m^2, thuộc thửa số 250, tờ bản đồ số 04, tọa lạc ấp P, xã A, huyện L (Nay là thửa đất số 01, tờ bản đồ số 19, tọa lạc ấp C, thị trấn L, huyện C), tỉnh Sóc Trăng.

- Tại tờ tường trình ngày 10/7/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là ông Nguyễn Văn S trình bày:

Phần đất hiện nay đang tranh chấp giữa ông S và bà K hiện nay có nguồn gốc là của anh trai ruột của ông là ông Nguyễn Văn N, hợp đồng tặng cho ông vào năm 1986, khi cho chỉ bằng lời nói, không có làm thành văn bản. Hiện trạng lúc đầu là 01 con mương nước dùng để đắp bờ cơi. Do hiện trạng phần đất này lúc đầu là con mương dùng để đắp bờ cơi, nên cả ông S và cha mẹ bà K là ông Nguyễn Văn P (Ông P là anh ruột của ông S) và bà Chế Thị T cùng nhau sử dụng, vì là chỗ anh em ruột với nhau, nên khi ông P và bà T xúc đất đắp bờ cơi thì ông S không có ý kiến phản đối vì. Sau đó, ông S không sử dụng con mương này nữa mà để cho gia đình ông P và bà T tiếp tục sử dụng, hiện nay con mương đã được gia đình bà K đắp thành 01 bờ đất và trồng mía, nhưng lúc đó ông S không có ý kiến gì (Là phần đất đang tranh chấp giữa ông S với bà K hiện nay), ông P và bà T tặng cho phần đất này cho bà K lúc nào thì ông S không hay biết và ông S cũng biết việc bà K đã được UBND huyện Long Phú (Nay là huyện Cù Lao Dung), tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận QSDĐ. Đến năm 2019, ông S thấy bà T là mẹ ruột bà K kêu địa chính thị trấn là ông Đ lại

chỉ ranh đo đạc để làm Giấy chứng nhận QSDĐ mới thì bà T chỉ qua ranh, qua khỏi hàng Mai vàng do ông S trồng, ông S không đồng ý, vì cho rằng phần đất đó là của ông S, từ đó hai bên phát sinh tranh chấp. Tại phiên tòa ông S không đồng ý theo yêu cầu của bà K, vì phần đất này là của ông N tặng cho ông S trên 30 năm.

- Tại Văn bản trả lời thông báo về việc thụ lý vụ án ngày 16/7/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Chế Thị T trình bày:

Phần đất hiện nay đang tranh chấp giữa bà K và ông S có nguồn gốc là do bà và chồng bà là ông P nhận chuyển nhượng của ông N cách đây trên 30 năm (Khoảng năm 1987), khi chuyển nhượng chỉ bằng lời nói, không có lập hợp đồng chuyển nhượng, khi chuyển nhượng thì giữa hai bên thỏa thuận là chuyển nhượng hết 01 khuôn đất không nói rõ diện tích là bao nhiêu, sau khi chuyển nhượng bà và chồng bà canh tác đến năm 1997 thì vợ chồng bà hợp đồng tặng cho phần đất trên lại cho con gái ruột là bà K, phần đất này bà K đã được UBND huyện Long Phú (Nay là huyện Cù Lao Dung) cấp Giấy chứng nhận QSDĐ, là thửa đất số 250, tờ bản đồ số 04, diện tích là 3.940m^2, tọa lạc ấp P, xã A, huyện L (Theo đo đạc chính quy mới hiện nay trên sơ đồ địa chính là thửa số 01, tờ bản đồ số 19, tọa lạc ấp C, thị trấn L, huyện C), tỉnh Sóc Trăng, nhưng bà K chưa được cấp đổi Giấy chứng nhận QSDĐ mới. Mặc dù giấy tờ là do bà K đứng tên, nhưng thực tế bà vẫn là người trực tiếp canh tác phần đất trên và từ khi bà và ông P canh tác cho đến khi ông P chết thì không có tranh chấp hay phản đối gì từ phía gia đình ông S và ông N, đến tháng 8/2018 bà K xin cấp lại Giấy chứng nhận QSDĐ vì đã hết hạn sử dụng, thì ông S ngăn cản, ông S cho rằng phần đất có chiều ngang 2,5m x chiều dài 19,2m là thuộc quyền sử dụng của ông S, ông S dùng Leng đào ranh và dùng cây trụ đá cắm ranh phần đất nói trên không cho bà K vào phần đất trên. Tại phiên tòa, bà cũng thống nhất theo yêu cầu của bà K là yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông S phải có trách nhiệm tháo dỡ, di dời trụ đá để trả lại cho bà K phần đất đã lấn chiếm có chiều ngang 2,5m x chiều dài 19,2m, tổng diện tích là 47,7m^2, đất thuộc thửa số 250, tờ bản đồ số 04, tọa lạc ấp P, xã A, huyện L (Nay là thửa đất số 01, tờ bản đồ số 19, tọa lạc ấp C, thị trấn L, huyện C), tỉnh Sóc Trăng.

- Tại Tờ tường trình ngày 10/7/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn N trình bày:

Cách đây trên 30 năm, ông N có hợp đồng chuyển nhượng cho vợ chồng ông P và bà T 01 phần đất có diện tích là 3,5 công (Tầm 2,8m), khi sang chỉ bằng lời nói, không có lập thành văn bản, sau đó ông N cho ông P và bà T mượn thêm 01 bờ dừa, phần bờ dừa này nằm giáp ranh với phần đất hiện nay đang tranh chấp giữa bà K và ông S. Còn phần đất hiện nay đang tranh chấp giữa bà K và ông S có nguồn gốc là của ông N hợp đồng tặng cho ông S cách nay trên 30 năm, khi cho chỉ bằng lời nói không có lập thành văn bản, sau đó ông N thấy cha mẹ bà K là ông P và bà T (Ông P là em ruột ông N, bà T là em dâu của ông N) canh tác phần đất trên, nhưng ông S không có ý kiến phản đối, nên ông N cũng không có ý kiến phản đối gì. Tại phiên tòa, ông N có ý kiến là không thống nhất theo yêu cầu của bà K.

Sự việc đã được Tòa án nhân dân Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2020/DS-ST ngày 08/9/2020 đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 203 của Luật đất đai; Điều 17 Luật phí và Lệ phí; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K.

Buộc ông Nguyễn Văn S phải có trách nhiệm tháo dỡ, di dời các trụ đá để trả lại cho chị Nguyễn Thị K phần đất có chiều ngang 2,5m x chiều dài 19,2m, tổng diện tích là 47,7m^2, đất thuộc thửa số 250, tờ bản đồ số 04, tọa lạc ấp P, xã A, huyện L (Nay là thửa đất số 01, tờ bản đồ số 19, tọa lạc ấp C, thị trấn L, huyện C), tỉnh Sóc Trăng. Có số đo cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp phần đất còn lại của chị Nguyễn Thị K (Thửa đất số 250 – Thửa đất mới số 01), có số đo 2,5m.

Hướng Tây giáp phần đất còn lại của chị Nguyễn Thị K (Thửa đất số 250 – Thửa đất mới số 01), có số đo 2,5m.

Hướng Nam giáp phần đất trống còn lại cặp lộ đal nông thôn, có số đo 19,2m.

Hướng Bắc giáp phần đất còn lại của chị Nguyễn Thị K (Thửa đất số 250 – Thửa đất mới số 01) có số đo 19,2m.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Đến ngày 22/9/2020, bị đơn ông Nguyễn Văn S có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2020/DS-ST ngày 08/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị K đòi lại đất bị lấn chiếm có diện tích 47,7m^2, thuộc thửa đất số 250, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp C, thị trấn L, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà K không rút đơn khởi kiện và cho rằng phần đất thuộc thửa số 250, tờ bản đồ số 04 là do cha mẹ bà cho bà đại diện đứng tên Giấy chứng nhận QSDĐ hộ gia đình, vào năm 1997 hộ của bà gồm có bà, cha bà tên Nguyễn Văn P, mẹ bà tên Chế Thị T, em bà tên Nguyễn Thị A và Nguyễn Văn H; bà đề nghị không đưa những người này vào tham gia tố tụng, bà tự nguyện và hoàn toàn chịu trách nhiệm; bà T cùng thống nhất với ý kiến và đề nghị của bà K. Bị đơn ông S không thay đổi, bổ sung hoặc rút đơn kháng cáo và cho rằng phần đất tranh chấp có diện tích 47,7m^2 có nguồn gốc là của ông N tặng cho riêng ông vào năm 1985 – 1986, sau đó ông cho ông P và bà T mượn để sử dụng, ông không có sử dụng phần đất tranh chấp trên; việc tặng cho đất và việc cho mượn đất không có làm giấy tờ, nhưng có hàng dừa làm ranh và ông đã đốn hàng dừa cho Nhà nước làm lộ; còn đối với ông N thì cho rằng ông không nhớ cho đất ông S diện tích bao nhiêu, cho riêng ông S kể cả phần đất tranh chấp, tặng cho đất không có làm giấy tờ, có hàng dừa làm ranh. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng là trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì HĐXX, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định pháp luật có liên quan đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông S và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Tại phiên tòa lần thứ nhất, nguyên đơn bà Nguyễn Thị K, bị đơn ông Nguyễn Văn S; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Chế Thị T, ông Nguyễn Văn N đều có mặt, nên HĐXX căn cứ vào Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về người kháng cáo, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của ông S là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Các bên đương sự đều xác định phần đất thuộc thửa đất số 250, tờ bản đồ số 04 (Thửa đất mới số 01, tờ bản đồ số 19) có nguồn gốc là của ông N chuyển nhượng cho ông P và bà T vào năm 1987; ông P và bà T cho bà K đại diện đứng tên Giấy chứng nhận QSDĐ hộ gia đình và được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ vào ngày 30/9/1997, cấp cho hộ bà K. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà K và bà T đề nghị không đưa những người trong hộ bà K vào tham gia tố tụng, các bà tự nguyện và hoàn toàn chịu trách nhiệm. Còn phần đất thuộc thửa đất số 249, tờ bản đồ số 04 (Thửa đất mới số 43, tờ bản đồ số 39) có nguồn gốc là của ông N tặng cho ông S vào năm 1986, ông S đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ vào ngày 28/9/2005, cấp cho cá nhân ông S và cấp đổi lại thành thửa đất mới số 43, tờ bản đồ số 39, cấp cho ông S và vợ là bà Nguyễn Thị L vào ngày 16/02/2012. Tuy nhiên, phần đất tranh chấp không nằm trong thửa đất số 249 cũng như thửa đất số 43 nêu trên; tại phiên tòa phúc thẩm ông S xác định phần đất tranh chấp ông N tặng cho riêng ông. Do đó, HĐXX thấy không cần thiết đưa những người trong hộ của bà K cũng như vợ ông S tên L vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét kháng cáo của ông S về việc yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà K đòi lại đất bị lấn chiếm có diện tích 47,7m^2, thuộc thửa đất số 250, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp C, thị trấn L, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Xét thấy, theo đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm ông S cho rằng phần đất tranh chấp có diện tích 47,7m^2 có nguồn gốc là của ông N tặng cho riêng ông vào năm 1985 – 1986, sau đó ông cho ông P và bà T mượn để sử dụng, ông không có sử dụng phần đất tranh chấp trên; việc tặng cho đất và việc cho mượn đất không có làm giấy tờ, nhưng có hàng dừa làm ranh và ông đã đốn hàng dừa cho Nhà nước làm lộ; còn đối với ông N thì

cho rằng ông không nhớ cho đất ông S diện tích bao nhiêu, cho riêng ông S kể cả phần đất tranh chấp, tặng cho đất không có làm giấy tờ. Ngoài lời trình bày ra thì ông S, cũng như ông N không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh phần đất tranh chấp là do ông N cho riêng ông S, sau đó ông S cho ông P và bà T mượn để sử dụng. Mặt khác, hàng dừa ông S đã đốn cho Nhà nước làm lộ, nên không còn cơ sở để xác định ranh đất như lời ông S và ông N trình bày. Mặc dù, việc bà K đăng ký và được cấp giấy chứng nhận thửa đất số 250, với diện tích 3.940m^2, nay tăng lên thành diện tích 5.681,1m^2 (Theo đo đạc chính quy mới), tại Công văn số 2132/UBND-VP, ngày 23/12/2019 của UBND huyện Cù Lao Dung (BL số 59) xác định diện tích tăng là do thay đổi hình thể, ranh giới, mốc giới thửa đất. Tuy nhiên, phần đất ông N tặng cho ông S, ông S đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ vào ngày 28/9/2005 (BL số 69) và cấp đổi lại thành thửa đất số 43, tờ bản đồ số 39 vào ngày 16/02/2012 (BL số 70 và 117) thì cạnh ở hướng bắc giáp đường đất, nay là lộ đal nông thôn (Đường xóm 5). Còn phần đất tranh chấp thì nằm phía bên kia của đường xóm 5, tức là không nằm trong thửa đất số 43, tờ bản đồ số 39 mà nằm trong thửa đất số 250, tờ bản đồ số 04 theo Giấy chứng nhận QSDĐ cấp cho hộ bà K (BL số 56 và 118). Như vậy, cạnh giáp ranh giữa đất ông S với đất bà K không thay đổi và được ngăn cách bởi đường đất, nay là lộ đal nông thôn (Đường xóm 5). Mặt khác, phần đất của ông S cũng tăng diện tích so với đăng ký lần đầu, ông S đăng ký lần đầu thuộc thửa đất số 249 có diện tích 3.678m^2 và khi cấp đổi lại thành thửa đất mới số 43 thì tăng lên thành diện tích 3.996,9m^2 (BL số 63, 64, 69, 70). Tuy diện tích đất cả hai bên đều tăng, nhưng diện tích đất tăng không phải là cơ sở để xác định phần đất tranh chấp là của ông S. Do đó, ông S không chứng minh được phần đất tranh chấp là do ông N tặng cho ông và cũng không chứng minh được ông cho ông P và bà T mượn đất để sử dụng. Chính vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 166 Luật Đất đai năm 2013.

[5] Từ những phân tích và nhận định tại mục [4] như đã nêu trên, nhận thấy kháng cáo của bị đơn ông S yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà K là không có căn cứ, nên không được HĐXX chấp nhận. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bà K và bà T cho rằng phần đất thuộc thửa đất số 250, tờ bản đồ số 04 là do bà K đại diện đứng tên Giấy chứng nhận QSDĐ hộ gia đình, nên HĐXX thấy cần điều chỉnh trong phần quyết định của bản án là buộc ông S trả phần đất tranh chấp cho hộ bà K (Bà K đại diện nhận) thì mới phù hợp.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Bản án dân sự sơ thẩm được giữ nguyên, nên ông S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên, ông S là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Đối với lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về việc đề nghị HĐXX không chấp nhận đơn kháng cáo của ông S và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa

án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ khoản 5 Điều 166 Luật Đất đai năm 2013; căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn S.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2020/DS-ST ngày 08/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng về việc tranh chấp đòi lại đất bị lấn chiếm. Án tuyên như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị K.

Buộc ông Nguyễn Văn S phải có trách nhiệm tháo dỡ, di dời các trụ đá để trả lại cho hộ bà Nguyễn Thị K (Bà K đại diện nhận) phần đất có chiều ngang 2,5m x chiều dài 19,2m, tổng diện tích là 47,7m^2, thuộc thửa đất số 250, tờ bản đồ số 04, tọa lạc ấp P, xã A, huyện L (Nay là thửa đất số 01, tờ bản đồ số 19, tọa lạc ấp C, thị trấn L, huyện C), tỉnh Sóc Trăng. Có số đo tứ cạnh như sau:

Hướng Đông giáp phần đất còn lại của hộ bà Nguyễn Thị K (Thửa đất số 250 – Thửa đất mới số 01), có số đo 2,5m.

Hướng Tây giáp phần đất còn lại của hộ bà Nguyễn Thị K (Thửa đất số 250 – Thửa đất mới số 01), có số đo 2,5m.

Hướng Nam giáp phần đất trống còn lại cặp lộ đal nông thôn, có số đo 19,2m.

Hướng Bắc giáp phần đất còn lại của hộ bà Nguyễn Thị K (Thửa đất số 250 – Thửa đất mới số 01), có số đo 19,2m.

Đính kèm Trích lục bản đồ địa chính ngày 30/10/2019 (BL số 118).

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn S được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các phần khác của bản án sơ thẩm (Tại mục 2, 3 và 4 trong phần tuyên xử) không có kháng cáo, kháng nghị, không ghi trong phần quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 *(Được sửa đổi, bổ sung năm 2014),* thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn